TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-ST
Ngày: 31-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nhị

Ông Bùi Mạnh Quyết

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thường Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ thừa xét xử sơ thẩm vụ án số: 48/2021/DS-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/QĐXX - ST ngày 14/5/2021 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị Ngọc L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp 3, xã A, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977. Địa chỉ: ấp 2 xã A, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Hồ Thanh T, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp 2 xã A, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà L, bà H có mặt. Ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 17/3/2021 các văn bản trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc L trình bày: Vào ngày 17/5/2016 bà có cho bà Nguyễn Thị H mượn 10.000.000 đồng; Ngày 10/6/2017 bà H nhờ bà vay dùm số tiền 20.000.000 đồng, khi vay dùm thì hai bên thỏa thuận lãi suất là 1% tháng. Bà đã trả lãi vốn cho người cho vay xong. Ngày 10/10/2018 bà H mượn của bà một chiếc lắc 3 chỉ vàng 18 Kr. Do là quan hệ chị chồng, em dâu nên hai bên không làm giấy tờ. Tại tòa án bà yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng và 3 chỉ vàng 18kr loại nhẫn trơn. Bà

không yêu cầu tính lãi. Bà trực tiếp đưa vàng tiền cho bà H. Ông Hồ Thanh T không biết nên bà không yêu cầu Ông T trả nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Đúng như lời trình bày của bà Hồ Thị Ngọc L. Vào ngày 17/5/2016 bà có mượn của chị Lệ 10.000.000 đồng; Ngày 10/6/2017 bà có nhờ chị Lệ vay dùm số tiền 20.000.000 đồng. Chị Lệ có nói lãi suất vay phải 1% tháng. Ngày 10/10/2018 bà mượn của Bà L một chiếc lắc 3 chỉ vàng 18 kr. Do là chị chồng với em dâu nên không làm giấy tờ. Tại tòa án bà thừa nhận còn nợ Bà L số tiền 10.000.000 đồng và ba chỉ vàng 18kr. Bà đồng ý trả. Còn số tiền 20.000.000 đồng bà với Bà L đã cấn trừ xong nên bà không đồng ý trả. Dù bà không có tài liệu hay chứng cứ gì chứng minh có sự cấn trừ số tiền này nhưng đây là lòng tin. Bởi lẽ khi vay mượn tiền, vàng của Bà L thì hai bên cũng không làm giấy tờ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Thanh T có đơn xin vắng mặt và không có lời trình bày.

Ngày 16/4/2021 Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa tham gia phiên tòa và phát biểu: Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Tranh chấp giữa bà Hồ Thị Ngọc L và bà Nguyễn Thị H là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tại phiên tòa nguyên đơn không thay đổi yêu cầu khởi kiện. Các bên không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[2] Nội dung vụ án: Bà Hồ Thị Ngọc L có cho bà Nguyễn Thị H mượn tiền,vàng cụ thể như sau: Vào ngày 17/5/2016 bà H mượn 10.000.000 đồng; Ngày 10/6/2017 bà H nhờ Bà L vay dùm số tiền 20.000.000 đồng; Ngày 10/10/2018 bà H mượn của Bà L một chiếc lắc 3 chỉ vàng 18 kr. Do là chị chồng với em dâu không làm giấy tờ. Bà Nguyễn Thị H thừa nhận có mượn vàng tiền của Bà L như lời trình bày của Bà L. Bà H đồng ý trả cho Bà L 3 chỉ vàng 18Kr và số tiền 10.000.000 đồng. Còn số tiền 20.000.000 đồng thì bà H với Bà L có cấn trừ với nhau rồi nên không đồng ý trả số tiền này. Bởi vì Bà L có mượn bà H 3 lần: một lần 10.000.000 đồng, hai lần mỗi lần 5.000.000 đồng. Hai chị em đã cấn trừ xong. Bà L không thừa nhận là mượn bà H 20.000.000 đồng và không có sự cấn trừ nào hết. Bà H cho rằng bà vay tiền và mượn vàng của Bà L với

mục đích là trang trải cho cuộc sống gia đình chứ không phục vụ cho cá nhân bà nên Ông T cũng phải có trách nhiệm trả nợ với bà.

Việc bà Nguyễn Thị H trình bày là cùng với bà Hồ Thị Ngọc L bàn bạc thống nhất cấn trừ số tiền 20.000.000 đồng nhưng bà H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc là cấn trừ khi nào và cụ thể việc cấn trừ ra sao và cũng không được Bà L thừa nhận có việc cấn trừ nợ. Bà L lại cho rằng chỉ đưa tiền cho bà H nên bà chỉ đòi tiền bà H. Bà H thừa nhận là lúc nhận tiền vàng thì một mình bà H trực tiếp nhận. Ông Hồ Thanh T không nhận. Nhưng bà H vay tiền mục đích sử dụng số tiền vàng này cho việc trang trải cuộc sống gia đình. Tại phần tranh luận Bà L yêu cầu Ông T phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Bà L. Xét thấy việc bà H vay mượn tiền vàng trong thời kỳ hôn nhân giữa Ông T và bà H còn tồn tại. Mục đích bà H vay mượn tiền vàng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó Ông T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả cho Bà L 30.000.000 đồng và 3 chỉ vàng 18 kr loại nhẫn trơn. Bà L không yêu cầu tính lãi. Còn việc Bà L mượn bà H 20.000.000 đồng thì bà H có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có đủ chứng cứ chứng minh.

[3] Về án phí: Bà H, Ông T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Bà L. (Giá vàng 18 Kr tại thời điểm xét xử là 3.400.000 đồng/chỉ)

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 26, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn , giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ngọc L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T có nghĩa vụ liên đời hoàn trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị Ngọc L số tiền 30.000.000 đồng và ba chỉ vàng 18kr (loại nhẫn trơn).

2. Từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Hồ Thanh T phải liên đới chịu 2.010.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà L không phải chịu tiền án phí, hoàn trả cho Bà L tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng theo biên lai số 0007751 đã nộp ngày 29/3/2021 tại Chi Cục thi hành án huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

4. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hồ Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án dân sự án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
-TAND tỉnh
-VKSND huyện,tỉnh
- THADS huyện
- Các đương sự
- Lưu HS,án văn

Phạm Thị Tơ